

Trai Trẻ, Bạc Đầu

Tạp bút

Nguyễn Quốc Can



Đã lâu Thịnh mới lại có được những giờ phút thật thoải mái như mấy ngày hôm nay. Thịnh không nhớ chắc là bao lâu, nhưng có thể đến gần mười năm, hay hơn mười năm chứ ít sao. Ừ, Thịnh thâm nhủ, không thể ít hơn được.

Những ngày mới đặt chân đến Mỹ, được đưa em bảo lãnh về sống với nó ở miền Đông Bắc, hơn một năm, Thịnh và gia đình đành phải bỏ đi, vì không chịu nổi cái lạnh thấu xương, lạnh đến tê cứng chân tay, không còn xoay trở, hoạt động gì được nữa, đây là chưa kể đến mười đầu ngón tay luôn bị nứt nẻ, bật máu. Mấy người bảo rồi sẽ quen đi, tại ông bà mới qua, nên thấy lạnh, chứ tụi tôi có thấy lạnh lắm đâu. Đứa em Thịnh cũng nói vậy, ở đâu quen đấy, đi chỗ khác rồi cũng thế. Anh chị về California, khí hậu ẩm áp thật đấy nhưng lại lo nạn động đất, chứ cũng không hoàn toàn an lành gì đâu, không những thế lại còn ồn ào, xô bồ, xô bộn nữa. Thịnh nói, mấy thửa có động đất, người ta ở đây ra đây, có sao đâu, nhưng cái lạnh ở đây thì năm nào cũng phải chịu đựng đến nửa năm, bảy tám tháng là ít. Chỉ cần mùa thu thôi, đã lạnh rồi chứ không cần phải đợi đến mùa đông, lại còn mấy tháng xuân nữa đấy. Chú có biết, nhiều khi lạnh quá, cả tuần, nửa tháng tôi mới tắm một lần không. Chú em cười sao anh ở dơ quá vậy. Thịnh cũng cười thì nói vậy thôi, lạnh cũng phải tắm qua quýt hoặc thay đồ, chứ ở dơ những người chung quanh ai

mà chịu nổi. Bên Cali không chỉ có khí hậu ẩm áp, mà bà con ta cũng rất đông, lại còn chợ búa nữa, không những nhiều, còn gần nhà, không như ở đây, mỗi lần muốn đi chợ, mất cả ngày, cả buổi. Rồi mặc những lời can ngăn, Thịnh nhờ người quen đưa gia đình vợ con ra trạm xe bus.

Khi qua đến Cali, chưa kịp điều chỉnh xong một vài thứ giấy tờ, chưa có bằng lái xe, Thịnh đã chạy đôn chạy đáo đi kiếm việc... Thịnh không quên lời một người bạn thân nói gì thì gì cũng phải lo kiếm cơm trước đã. Mày phải quên nghề cũ của mày đi, bỏ ngay chuyện mơ mộng tiếp tục viết lách, báo bỏ của mày lại. Ở xứ này, không sống nổi với mấy thứ đó đâu. Đây là tao nói riêng cái xứ sở tỵ nạn thôi. Huy ngắt lời bạn nghề ngỡ không có, biết làm gì bậy giờ. Người bạn cười, miễn có sức khỏe, không cần nghề, bằng cấp lại càng không. Dĩ nhiên bằng cũ, bằng “của mình”, chứ không phải “của họ”. Mày không thấy Điền sao, thời gian đầu cũng sống “bằng chân tay”, cũng là “Thượng đẳng cu ly” đấy à. Thịnh đã nghe theo. Cũng may, được mấy người bạn đến trước tận tình giúp đỡ, nên mới có một tuần, Thịnh đã có việc làm. Và kể từ ngày đầu tiên đi nhận việc đến nay, Thịnh bị cuốn theo chuyện áo cơm, và đủ mọi thứ cần thiết linh tinh khác, nên không dám nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi nhiều, ngoại trừ những khi đau ốm, không thể lết đến nơi làm được. Và, có lẽ, suốt những năm đầu từ miền Đông Bắc chuyển về California, phần lớn những giờ phút nghỉ ngơi, giải trí của vợ chồng Thịnh chỉ là đi tản bộ, thăm thú những vùng xung quanh nơi mình cư ngụ.

Thịnh vẫn còn nhớ, sau khi có bằng lái xe, và mua được chiếc xe cũ, với giá gần như cho, vợ chồng Thịnh đã lái xe đi vòng vòng quanh mấy con đường gần nhà, nhiều đến độ hình như có người nghi ngờ sao đó, đã báo cảnh sát, nên vợ chồng Thịnh đã bị chặn lại đòi coi giấy tờ, và hỏi lý do cứ quanh quẩn ở đây hoài. Thịnh phải cố giải thích cho cảnh sát hiểu, là anh đang tập cho vợ lái xe. Có lẽ nhận thấy giấy tờ hợp lệ, mặt mũi không phải thứ cô hồn, nên người cảnh sát đã trả lại bằng lái xe, sau khi hỏi hai người vẫn còn ở địa chỉ này à, địa chỉ ghi trong bằng lái, gần ngay nơi bị hỏi giấy. Thịnh xác

nhận. Vị bạn dân Mỹ này đã lịch sự chúc vợ Thịnh sớm có bằng lái cùng lời nhắc nhở phải cẩn thận khi tập.

Từ những lần “thăm hiểm” cò con đó, Thịnh rất yêu thích khu mình cư ngụ, hoàn toàn yên tĩnh, một điều hơi hiếm khi còn ở quê nhà - Nhất là đoạn đường từ Talbert đến Ellis - nằm trên đường Newland, đoạn đường khiến Thịnh lại chợt nhớ đến rừng núi Đà Lạt xưa, nơi mà trước kia, hằng năm, dù bận đến mấy, Thịnh cũng cố sắp xếp để lên sống và nghỉ ngơi trên đó cả tháng trời, tẻ lắm thì cũng năm ba bữa, nửa tháng. Vợ Thịnh cũng vậy, lần đầu tiên nhìn thấy đoạn đường dốc Talbert – Ellis cũng đã nói với Thịnh Đà Lạt của anh kìa, từ nay ông hết còn nhớ thương nơi đồi núi cũ nữa nhé. Đoạn đường Talbert – Ellis đối với Thịnh đã đẹp, nhưng so với Flagstaff cách Peoria - nơi vợ chồng Thịnh mới chuyển qua cư ngụ tại đó mấy năm nay, sau gần hai mươi năm ở Cali - còn thua xa. Flagstaff núi đồi, rừng cây hùng vĩ hơn Đà Lạt nhiều, nhất là thông.



The San Francisco Peaks, Flagstaff, Arizona, USA
Source: <http://www.flagstaff.az.gov>
(Ghi chú của Ban Biên Tập)

Thời tiết ở Arizona nhiều nơi khắc nghiệt, mùa hè khoảng từ tháng năm đến hết tháng tám nhiều hôm nóng đến ngộp thở, nóng đến 115, 119 độ F, mùa đông thì lạnh buốt, chẳng khác khí hậu miền Bắc Việt Nam nơi Thịnh đã sinh ra, đã lớn lên là bao nhiêu. Riêng Flagstaff, khác hẳn, thời tiết thường mát dịu. Gần hết tháng bảy, về đêm khí hậu vẫn còn lạnh, rừng cây và trên mặt đường xe chạy nhiều nơi còn đọng tuyết muôn. Du khách từ xa đến, thường dừng xe, cho con cháu xuống chơi đùa cùng tuyết. Và, mỗi lần có dịp ghé Flagstaff,

Thịnh lại ngậm ngùi, lại thấy nhớ Đà Lạt đến quay quắt, còn nhớ hơn là khi đi qua đoạn đường Talbert, Ellis. Bạn bè khi được Thịnh cho xem hình ảnh núi đồi và rừng thông bạt ngàn ở Flagstaff cười bảo không nên so sánh Flagstaff với Đà Lạt. Vì Flagstaff tuy hùng vĩ nhưng không thơ mộng như Đà Lạt. Đà Lạt hợp với người Á Đông hơn, hợp với chúng ta hơn. Có người nghe Thịnh hay nhắc về Đà Lạt bảo mà còn “bộ tư lệnh” thứ hai nào ở Đạ Lạt hay sao mà cứ nhớ thương hoài vậy? Nghe bạn hỏi, Thịnh cũng không biết phải trả lời sao cho bạn tin, bởi thực tình Thịnh cũng không rõ vì sao mình lại thấy nhớ thương Đà Lạt đến như vậy, khi mà nơi chốn ấy với Thịnh không hề có một kỷ niệm sâu đậm nào.

Trong một bức thư trả lời người bạn còn ở lại, Thịnh đã viết, trước kia khi còn ở quê nhà, chả bao giờ tôi nghĩ sẽ có ngày vào ở giữa sa mạc, vào ở nơi đồi núi trùng điệp bao quanh, xa hẳn thành phố đông đúc, đêm đêm nghe từng bầy sói tru gàn bên - đôi lúc có cảm tưởng như đàn sói ở ngay trong vườn nhà mình. Đây là chưa kể đến những con sói đơn độc, lang thang trên đường phố như giữa rừng hoang của bọn nó mỗi khi chiều xuống. Và, trước kia khi còn ở quê nhà hàng ngày đi làm mình cứ nói mình phải đi cày, đó là nói cho vui, cho có vẻ ta đây vất vả, chứ thực ra những việc làm hời đó không thấm vào đâu so với công việc của những người như tui tôi ở đây. Việc làm ở xứ sở mới này mới đúng, mới thật sự là đi cày cấy ông ạ.

Của đáng tội, nếu như người làm công chỉ làm đủ giờ, đủ việc được giao cho thì cũng không đến nỗi “đi cày” cho lắm, nhưng khốn nỗi ngoài tám tiếng, hay sáu tiếng, tùy theo công việc, tùy theo nơi làm, lại có khoản tiền overtime, nên đã quỵn rũ người đi làm rất nhiều. Chỉ cần nhắm số giờ đã làm trong mấy ngày qua, sẽ không một ai nở từ chối khoản tiền được trả thêm gấp rưỡi, gấp hai lương thường lãnh. Thế là dù có bệnh, có muốn làm biếng, cùng bèn hết bệnh, hết làm biếng, để nhận lời đề nghị làm thêm của chủ, của Manager không một mảy may đắn đo suy nghĩ.

Thịnh miên man nhớ lại những chuyện cũ. Nếu như không kể đến những lần phải tạm rời xa thành phố để tránh máy bay Mỹ Nhật bắn nhau trên vùng trời Hà Nội. Không kể những ngày tản cư về vùng quê, tránh bom đạn năm 1946, thì Thịnh đã hai lần phải đi thật xa. Nhưng dù sao, lần đầu tuy có phải xa nơi chôn nhau cắt rún, đến một nơi khác thì cũng vẫn còn là trên quê hương đất nước mình. Cũng còn được thấy những người, những cảnh quen thuộc, được nghe tiếng mẹ đẻ, và nhất là không xa lạ với những phong tục tập quán, đã được dạy bảo ngay từ ngày mới chập chững biết đi, ngay từ khi mới khôn lớn. Dù nơi mới đến lần đầu, cũng có nhiều cái ngộ nghĩnh, khác lạ.

Thịnh thờ dài, ngày tháng qua đi sao mà lẹ thế. Những ngày mới theo cha mẹ rời bỏ miền Bắc vào định cư tại miền Nam Việt Nam, tránh nạn cộng sản, Thịnh mới mười tám, mười chín tuổi, tất cả đều ngỡ ngàng, xa lạ. Đối với Thịnh lúc đó, thấy xa lạ với từng căn nhà cao năm mười tầng, cho đến những con đường dài, rộng. Xa lạ từ cách uống cà phê đổ ra đĩa rồi húp xùm sụp cùng những tên gọi “xây chùng, pạc xiu”, đến cảnh mang ầm đi mua từng đồng nước sôi về pha trà mỗi khi nhà có khách. Và Thịnh không thể nào tin được người khách trú chỉ bán nước đun sôi nơi đầu đường lại có thể nuôi cả một gia đình mấy miệng ăn. Chưa hết, Thịnh còn ngạc nhiên, còn xa lạ với cả lời ăn tiếng nói của người ở miền đất nước chỉ có hai mùa mưa nắng. Những tiếng thét xua đuổi khách bộ hành đi nghênh ngang, làm cản lối của người đạp xích lô, có khi người phu xe là một ông già: “Xích lô ông nội” khiến thằng “ông nội” chưa tới hai mươi tuổi đời là Thịnh cứ cười mím một mình mãi không thôi. Lại còn cô bạn ở kề căn nhà bố mẹ Thịnh thuê trong hẻm Đội Có Phú Nhuận nữa, thật bạo dạn, khi biết Thịnh sanh trưởng và lớn lên ở Hà Nội, cô đã bắt chuyện và cho biết cô cũng là người Hà Nội như Thịnh. Cô nói thao thao về bốn mùa của miền Bắc, của Hà Nội, về áo quần người Hà Nội mặc mỗi khi thời tiết thay đổi, về những cây trái mỗi mùa. Nghe cô nói bằng giọng của người miền Nam không pha trộn, thực tình Thịnh nghi ngờ về những hiểu biết của cô về Hà Nội, nhưng cũng không tiện hỏi,

cho đến khi cô nói trong những thắng cảnh của Hà Nội cô thích nhất Chùa Một Cột, ngôi chùa được xây... giữa hồ Hoàn Kiếm... thì Thịnh tin là cô chỉ biết Hà Nội qua lời kể của ai đó về Hà Nội của mình, hoặc giả cô đã đọc được ở đâu đó, rồi nhớ không đầy đủ nên đã hiểu sai như thế.

Đang nói chuyện, chợt nhìn qua chiếc đồng hồ của căn nhà trước cửa, treo giữa nhà, gần ngay cửa ra vào, cô lật đật cáo từ nói cô phải nấu cơm và ... chùi đồ... nên không thể tiếp tục câu chuyện với Thịnh được. Thịnh đã trợn mắt về kinh ngạc vì không hiểu sao cô người miền Nam này lại lạ như vậy, ngoài chuyện nấu cơm cô còn mang cả chuyện “chùi đồ” ra mà nói một cách thân nhiên với một người con trai xa lạ, không lẽ cô ta lại “mới” đến như vậy sao.

Sau này hỏi ra mới biết những điều cô hàng xóm của Thịnh nói về Hà Nội, là do bà nội của cô đã kể cho chị em cô nghe. Bà nội cô đã kể đi kể lại nhiều lần như kể về một câu chuyện cổ tích - Người già thường như vậy, thường sống bằng kỷ niệm, bằng dĩ vãng - Và cô đã thuộc. Đã nhập chuyện. Như chính cô đã sống ở Hà Nội vậy. Đúng ra, chỉ có thể nói ông bà nội của cô, hay cùng lắm, bố cô, là người Hà Nội thì mới đúng - vì ngay từ ngày bố cô mới khoảng ba tuổi rưỡi, bốn tuổi, ông bà nội cô đã vào Nam lập nghiệp, thì ngay cả bố cô chắc cũng chỉ biết về Hà Nội một cách lơ mờ qua chuyện kể, chứ nói gì đến cô. Dù vậy, bố mẹ và chị em cô hàng xóm nơi gia đình Thịnh cư ngụ những ngày đầu tại miền Nam, luôn luôn dành cho gia đình bố mẹ Thịnh những giúp đỡ đặc biệt, mà bà nội của cô bảo là giúp cho người cùng quê hương, xứ sở cũ.

Cho đến khi niên học mới bắt đầu, quanh Thịnh là những tên bạn “Bắc Kỳ” cùng trang lứa, Thịnh mới thấy thật hoàn toàn thoải mái khi chuyện trò, vui đùa cùng nhau. Rồi, sau khi học xong trung học, chia tay cùng các bạn, ra đời kiếm sống, dần dần Thịnh mới có dịp hiểu rõ về những chú Ba, bác Tám, dì Sáu miền Nam. Ở họ tính tình, ngôn ngữ luôn luôn cởi mở, hào sảng, thứ hào sảng của các nhân vật Lương Sơn Bạc trong truyện Thủy Hử. Họ không hề câu nệ, giữ gìn thái quá, như bà

con miền Bắc - giữ gìn quá nhiều khi thành khách sáo. Tiếp xúc, nói chuyện với ai đáng tuổi con cháu, những chú Ba, dì Sáu luôn luôn coi mình như bậc bề trên, và thân nhiên gọi người đối diện là “mày”, là “thằng”, và sẵn sàng rầy la, nếu như thấy đối tượng là “con nít ranh” không phục thiện. Những chú Ba, bác Tám, dì Sáu ấy còn có điểm đặc biệt là không hề phân biệt người thân, kẻ sơ. Họ sẵn lòng giúp đỡ, bảo bọc kẻ cơ nhỡ, mà không hề mấy may thắc mắc. Thịnh còn nhớ một lần có việc dưới miền Tây, đâu như Nha Môn hay Cái Tàu Hạ gì đó, lâu ngày Thịnh không còn nhớ rõ, bị lạc đường, Thịnh và anh bạn cùng đi đành ghé vào dãy nhà bên đường hỏi thăm, khi chợt thấy mấy ông già đang ngồi nhậu trên chiếc chiếu trải trước hiên nhà. Khi biết rõ hai người đi lạc, mấy ông già không ngần ngại bảo chiều tối rồi, mà đường còn xa, thôi mấy chú vào đây làm vài ly, rồi kiếm cái gì bỏ bụng, mời sớm hãy lên đường.

Những ngày đầu khi phải rời bỏ miền Bắc, rời bỏ Hà Nội, Thịnh luôn luôn tự nhủ với lòng, nếu có cơ hội, mình sẽ về với Hà Nội của mình, dù chỉ về một mình. Thịnh không thể quên buổi sáng trên đường ra phi trường Gia Lâm vào Nam, Thịnh đã khóc khi phải xa Hà Nội, những người lớn tuổi trên cùng chuyến xe đã hết lời khuyên can, an ủi Thịnh, họ bảo việc gì phải khóc, hay đàn ông con trai ai mà khóc, nhưng rồi chính những người đó cũng không cầm được nước mắt, cũng đã khóc theo.

Sở dĩ Thịnh tha thiết với Hà Nội bởi nơi chốn đó Thịnh đã được sinh ra, đã lớn lên, Thịnh đã có biết bao kỷ niệm. Những kỷ niệm êm đềm của thời mới lớn, cũng như những kỷ niệm kinh hoàng khi nhìn thấy những xác chết đầy đường năm đói Ất Dậu, hay những lần chính Thịnh đã suýt chết khi bom rơi đạn nổ ngay giữa phố phường. Không những thế, Thịnh còn không sao quên được Hà Nội, bởi - nếu không nói quá - có lẽ Thịnh là người duy nhất còn trẻ, quá trẻ, đã phải bùi ngùi rơi nước mắt khi có thằng bạn thân chết trận. Bạn Thịnh chết ở lớp tuổi lẽ ra chỉ biết học, biết chơi đùa vô tư.

Thằng Thứ và Thịnh học cùng lớp từ những ngày còn học tiểu học ở trường Đỗ Hữu Vị. Tuy còn nhỏ nhưng thằng Thứ đã có dáng vẻ của một “ông cụ non”. Vì trong giờ ra chơi, bạn bè nô đùa, đánh bi đánh đáo, thì Thứ luôn đứng thui thủi một mình nơi góc sân trường. Một đôi khi bị các bạn trêu kéo lắm, Thứ mới tham gia vào trò chơi của các bạn. Nhưng cũng chỉ được một lúc, khi thấy mọi người không để ý đến mình, Thứ lại lủi ra một góc sân với vẻ mặt u buồn. Và rồi một hôm, dịp đầu hè, Thứ đến nhà Thịnh với bộ quần áo lính nhảy dù. Vì gầy, mặc dù cũng khá cao, nên bộ quần áo dù như hơi rộng với Thứ. Thịnh kêu lên: Mày làm gì vậy? Ở đâu ra mấy thứ này? Thứ cười buồn bảo quần áo tao mới được phát đấy. Tao đăng lính, mai phải nhập trại huấn luyện rồi. Đúng ra, tao trốn trại ra đi chơi với mày chiều nay. Từ mai trở đi không biết bao giờ mình mới lại được gặp nhau.

Thịnh hỏi:

- Đang học cũng không được nghỉ à?
- Không. Đang cần lính, nên phải học gấp.

Thịnh ngu ngơ:

- Tại sao mày lại đăng lính? Mới nghỉ hè mà. Bộ mày không học nữa à?

Thứ không trả lời câu hỏi của bạn, bảo:

- Lên Cổ Ngự ăn bánh tôm mày, nhanh lên, tao đói quá rồi.

Nghe Thứ dục, Thịnh chạy vào nhà xin phép, không quên xin mẹ mấy chục. Thấy Thịnh cầm tiền trên tay, Thứ căn dặn:

- Tao có tiền đăng lính, mày xin mẹ làm gì.

Thịnh nói sắc mùi tiểu thuyết:

- Mày để tiền mà ăn, trong chiến trận khói lửa, phải có tiền.

Thứ phì cười:

- Cút... nói ngu không chịu được. Đi đánh trận mà mày làm như đi chơi. Chỗ lửa đạn, ai cho buôn bán.

Thịnh cười chữa thẹn. Thứ đành lấy xe:

- Tao đạp. Mày ngồi sau. Hừ... mày lúc nào cũng như ngỗng đực.

Thịnh thấy bạn bảo mình như ngỗng đực, thì cũng biết vậy, chứ thực ra cũng không rõ con ngỗng đực nó... có gì... đặc biệt. Sau lần đi chơi với Thứ chiều hôm đó, dần dần Thịnh cũng không còn nhớ đến nó nhiều. Năm học mới, bạn mới, chỉ đôi lúc Thịnh mới lại chợt nhớ đến thằng bạn luôn có bộ mặt làm li, buồn so. Cho đến một buổi tối, Thịnh vừa ăn cơm xong, sắp sửa mang sách vở ra học bài, thì có tiếng gõ cửa rất gấp. Hải, bạn của Thứ đến báo tin Thứ tử trận.

Thịnh lấp bắp:

- Nó... nó... chết à?

Hải:

- Ừ, vừa có tin. Nó được thả xuống mới một ngày, đụng lớn. Nó đi ngay đọt đầu.

- Thế mẹ nó biết tin chưa?

- Nó dẫu. Mẹ nó đâu biết nó đi lính. Nếu biết, đời nào mẹ nó cho nó đi. Vì thế nó mới nhờ tôi nhận là anh, để có gì, họ báo tin.

Thịnh chưa kịp hỏi thêm, thì Hải đã tiếp:

- Tội nghiệp, nó không biết bố là ai, mẹ nó bảo bố nó chết từ lâu. Hai mẹ con âm thầm dựa nhau sống. Sau nó quyết định đăng lính để có ít tiền đầu quân cho mẹ đỡ khổ. Nếu không vì chưa đủ tuổi đăng lính, nó phải ghé nhà ăn cắp khai sinh của thằng anh chết lúc còn nhỏ, chắc nó cũng không được gặp mẹ lần cuối.

Chưa nói hết câu, Hải đã bật khóc. Thịnh biết Hải rất thương thằng Thứ, coi nó như em ruột. Hoàn cảnh gia đình Hải cũng không hơn gì Thứ. Nhà bốn năm miệng ăn, mọi chi tiêu đều

trông vào gánh xôi bắp của mẹ nó. Sáng nào mẹ Hải cũng phải rời nhà từ bốn giờ sáng, lội bộ từ Tương Mai lên thành phố, để kịp bán cho người đi làm, đi học sớm. Bà không giám đi tàu điện, để có thêm được vài đồng. Hải thương mẹ, làm đủ nghề, vậy mà cũng bữa đói bữa no. Đã thế ông bố dượng lại nghiện hút. Đến cỡ không lo đủ cho ông, ông dám làm tất cả để có tiền mua sái thuốc về “thâu”. Thậm chí có lần mẹ Hải bị đau không làm hàng để bán được, ông ta dám bàn chuyện đem con em Hải mới mười hai tuổi bán cho bọn chủ chửa. Nghe chuyện, Hải từ chỗ làm bỏ về, chửi ông ta thậm tệ. Và, nếu như không có mẹ can ngăn, Hải đã đâm cho lão bố dượng vài dao. Bà bảo tất cả lỗi tại mẹ, nếu mẹ không bước đi bước nữa, gia đình ta đâu đến nỗi. Các con đâu có bị đói khổ.

Nghe lời năn nỉ của mẹ, Hải không giết người, nhưng cũng đập cho lão bố dượng mềm người, đuổi đi. Rồi, Hải cũng theo Thứ, đăng lính. Ngày mang tiền đầu quân về đưa mẹ, bà đã khóc ngất. Nhưng Hải may hơn Thứ, vì chưa huấn luyện xong, thì Pháp đã phải rút quân. Đất nước chia đôi.

Thịnh tha thiết với Hà Nội còn vì nơi chốn ấy thời tiết có bốn mùa rõ ràng, chứ không chỉ hai mùa mưa nắng như miền Nam, cũng như có những cây trái đặc biệt nơi khác không có. Nhất là những phố phường xưa mà khi ở xa, Thịnh thấy băng khuâng, thấy nhớ, như nhớ một người thân. Nhưng Thịnh đã không có cơ may được trở về nơi chốn cũ. Rồi cùng với tháng ngày, với tuổi đời chồng chất, Thịnh thấy mình dần dần đã hòa nhập, đã thân thiết với những chú Ba, dì Sáu, đã không còn ngạc nhiên khi thấy một “bà Má” nuôi heo ngay phía dưới giường nằm của mình. Với họ, Thịnh đã là “thằng Bắc Kỳ” chơi được.

Hai mươi năm, Thịnh tưởng đâu miền Nam – nơi chốn mình đã trưởng thành - sẽ là nơi dung thân, lập nghiệp. Con cháu mình sẽ không bao giờ phải cố hòa nhập, phải cố trở thành kẻ thân tình của chú Ba, dì Sáu như mình lúc mười tám, mười chín tuổi năm xưa. Chúng cũng sẽ cởi mở, cũng sẽ hào sảng. Vậy mà không ngờ, một lần nữa Thịnh lại phải cay đắng ra đi. Mà lần ra đi này đã phải trả bằng một giá quá đắt.

Lần thay đổi trước, Thịnh còn là người trẻ tuổi, mọi chuyện đều dễ dàng với Thịnh. Lần này đến một đất nước hoàn toàn xa lạ, từ phong tục tập quán, cho đến ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày, muốn hội nhập, Thịnh nghĩ cũng phải giống như mọi người, nên ở tuổi ngoài năm mươi, Thịnh còn phải cấp sách đi học, sau những giờ làm việc vất vả. Vậy mà những cố gắng của Thịnh vẫn không có được bao nhiêu kết quả. Nhiều người khi nghe Thịnh nói tiếng Mỹ vẫn bảo ông sống ở Mỹ, mà cứ như đang ở giữa Paris ấy. Nói năng như vậy, chỉ có... tây Maroc... may ra nó mới hiểu ông nói gì. Nghe thế, Thịnh đành chỉ cười, và chợt cảm thấy hai cánh tay của mình dù không tập, hình như ngày một to ra. Đây là những ngày còn học trung học, Thịnh cũng đã được học Anh văn rồi đấy.

Nhớ lại chuyện nói tiếng Mỹ, Thịnh lại chợt nhớ năm đầu, lúc mới từ miền Đông Bắc chuyển về California, các con thì đi học, hai vợ chồng cùng “đi cày” vì chỉ sợ không kiếm đủ tiền trả mọi khoản chi tiêu, nhất là tiền nhà, sẽ bị chủ phố đuổi, không cho mượn tiếp. Nên vợ chồng bàn nhau, hễ ai rảnh thì đi chợ, và làm tất cả mọi việc nhà để các con có thời giờ học. Tết đầu tiên nơi xứ người, vợ chồng bảo nhau cũng phải lo sao cho đủ mọi thứ, nhất là lễ vật cúng kiếng ông bà. Cầm tờ giấy vợ ghi những thứ phải mua, thứ gì chợ của “ta” hay của người tàu cũng có, duy có con gà trống cúng giao thừa thì... không. Bản khoản suy tính, Thịnh quyết định vào chợ Mỹ, có thể tìm mua được. Nhưng chợ Mỹ hình như... cũng không có, vì nhìn ngang, nhìn ngửa Thịnh không thấy loại gà muốn mua đâu, mà chỉ có từng phần của con gà đã được chặt sẵn, để trong những cái khay bằng mốp, bọc giấy kiếng trong, hoặc những con gà được bọc kín trong bao ny lông trắng đục, chẳng rõ trống mái ra sao, phân vân mãi, Thịnh tặc lưỡi, mua đại một con. Người bán hàng lấy gà trao cho Thịnh xong, Thịnh mới lí nhí nói lời cảm ơn, chợt nghe giọng nói của một bà đồng hương vang lên sát bên cạnh:

- Bác mua gà cúng phải không. Gà cúng phải là gà trống mới được. Để đấy, tôi mua dùm cho, tôi cũng mua gà cúng đây.

Quá bất ngờ trước lòng tốt của bà đồng hương, Thịnh cảm thấy lúng túng với con gà trên tay, không biết nói sao, đành lại chỉ còn biết cười trừ, thì bà đồng hương đã đồng dạc:

- Chích cần men. Chích cần man (chicken... man).

Nhưng nói xong vẫn thấy người bán hàng ngẩn mặt về không hiểu, bà đồng hương lại lớn tiếng:

- Ai lít chích cần men, hi ơ gên (I need chicken man, he again).

Có lẽ nhờ lớn tiếng, nên một người bán hàng da đen đứng ở đầu quầy hàng đằng kia nghe thấy, vội chạy đến trước mặt bà đồng hương tìm đưa cho bà con gà bà ta muốn mua. Vừa nhận gà, bà đồng hương vừa nói:

- Oãn chích cần men mo (one chicken man more).

Nhờ thế tết đầu tiên ở Mỹ, vợ chồng Thịnh cũng có gà trống cúng ông bà. Sau, mấy đứa con Thịnh đã lớn, bọn chúng không chịu ăn thịt gà bày ngoài trời cả mấy tiếng đồng hồ nữa. Chúng bảo ăn như thế, dễ bệnh, vì không bảo đảm vệ sinh. Thế là những năm sau, vợ chồng Thịnh chỉ cúng giao thừa bằng trái cây, mứt, bánh mà thôi.

Thịnh chợt giật mình khi bị tiếng động âm âm của chuyến xe lấy rác lôi ra khỏi giấc ngủ lơ mơ. Mới chín giờ sáng mà khu nhà Thịnh cư ngụ đã không một bóng người qua lại. Thịnh thoảng lăm mới có một chiếc xe hơi chạy vụt qua. Đợi xe lấy xong rác ở những căn nhà chung quanh chạy xa, Thịnh lại đắm mình trong hồi tưởng. Trước, những ngày còn trai trẻ Thịnh thường cười khi nhìn thấy những người lớn tuổi hay ngủ lơ mơ mỗi khi đọc báo, hoặc coi T.V một mình, và bảo mấy người già lão thường như thế. Thịnh đã nói với bố khi nhìn thấy ông sẫm soi trước gương lúc ông mới mang chiếc kiếng lão đầu tiên của đời ông từ tiệm kiếng về: Bố đã phải mang kiếng lão rồi hả bố. Khi nào con cũng phải mang kiếng như bố bây giờ, chắc con buồn lắm, bố ạ. Ông đã cười gượng: bố cũng đã nói với ông nội con như vậy.

Ông bà nội và bố mẹ Thịnh đã không còn, thay vào vị trí của mấy người đó bây giờ là vợ chồng Thịnh, là các con Thịnh. Duy chỉ khác một điều, hơn năm mươi năm trước, khi phải bỏ miền Bắc để vào sống ở miền Nam, anh chị em Thịnh vẫn còn được nói, được học tiếng mẹ đẻ, còn bây giờ mấy đứa cháu nội của Thịnh, gần như xa lạ, với những Đình, Lê, Lý, Trần.... Cũng đâu cứ gì bọn trẻ sinh ra và lớn lên ở nước ngoài, ngay chính những đứa cháu của Thịnh còn ở lại nơi quê nhà cũng vậy. Chúng cũng ngỡ ngàng với những chiến công xưa của tổ tiên, xa lạ với chiến khu Bãi Sậy, ngày tang Yên Bái... Mà... mà... nói cho cùng, cũng đâu chỉ có bọn trẻ, vì chính Thịnh và các bạn cùng trang lứa cũng đã chẳng từng như Thanh Nam đã viết: “Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt. Tập làm con trẻ nói ngu ngơ” đó sao. Vì thế trong những lần họp mặt với các bạn học cũ, Thịnh thường nói với họ thôi thì sống ở đâu là quê hương, xứ sở đó, nhưng có tự do, có cơm ăn áo mặc, có mọi thứ, còn hơn là cứ phải nhai khẩu hiệu, ăn bánh vẽ, sống dưới sự lèo lái của bọn phi cầm, phi thú, bọn mất hết nhân tính trước những oan ức đối khổ của đồng bào, hoặc khốn nạn hơn là phải sống cảnh lưu đày ngay chính trên quê hương, đất nước mình./.

Nguyễn Quốc Can
(Hoàng Trúc Tâm)



Nguyễn Quốc Can - Orange County, CA. (4/7/2005)
(Ghi chú của Ban Biên Tập)